

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày 19/5/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng*”

vay tài sản và hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lê Tuấn Anh

2. Bà: Đoàn Thị Ngọc Hân

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Kinh Luân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 13/4/2023 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** **Châu Văn N**, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Độ Nhị**, sinh năm: 1962 - Địa chỉ: khu phố M, phường N, thành phố P, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của ông N. Có đơn xin vắng mặt.

+ Bị đơn: - **Bùi Hải A**, sinh năm: 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- **Quách Thái Thị Ngọc Y**, sinh năm: 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2022 của nguyên đơn là ông Châu Văn N, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Độ Nhị là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có lời trình bày như sau:

Vào năm 2020, ông N có cho vợ chồng anh A, chị Y vay số tiền 20.000.000 đồng và 10 chỉ vàng SJC. Do chỗ quen biết và tin tưởng nên không có làm giấy tờ, không tính lãi, không thời hạn, khi nào cần ông N sẽ đòi nợ. Cũng trong năm 2020, ông N có tham gia chơi 01 phần hui 500.000 đồng do chị Y làm chủ, ông N đóng hui đến khi mất hui hốt được 20.000.000 đồng, chị Y không giao hui cho ông N mà mượn lại hết số tiền hui trên. Mục đích anh A, chị Y vay để xây nhà và làm kinh tế gia đình.

Nhưng đến khi ông N yêu cầu anh A, chị Y trả nợ thì anh A, chị Y cứ hứa hẹn hoài mà không chịu trả. Ngày 20/11/2022 chị Y có làm giấy xác nhận vợ chồng chị Y có mượn ông N số tiền, số vàng, số tiền hụi như trên và hẹn thời gian trả nợ nhưng anh A, chị Y vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, ông N khởi kiện yêu cầu anh A, chị Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền hụi 20.000.000 đồng và 10 chỉ vàng SCJ, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn là chị Quách Thái Thị Ngọc Y vắng mặt tại toà nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 09/02/2023, bản tự khai ngày 16/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

Trước kia, chị sinh sống ở huyện M cùng với mẹ ruột là bà Thái Thị Vân nên quen biết ông N thông qua sự giới thiệu của mẹ. Vào khoảng năm 2020, ông N có cho chị mượn 10 chỉ vàng SCJ, số tiền là 20.000.000 đồng và ông N có tham gia chơi 01 phần hụi 500.000 đồng cho chị làm chủ, ông N hốt cuối được 20.000.000 đồng chị mượn lại không có giao tiền hụi cho ông N. Khi cho mượn không làm giấy tờ, ông N cũng không có lấy tiền lãi. Mục đích vay nợ để chị trả nợ cho người khác và lo cho con trong cuộc sống hàng ngày. Chị có đưa cho anh A chồng chị 20.000.000 đồng để cất nhà, thời gian sau anh A đưa tiền cho chị trả lại ông N nhưng chị để chi tiêu trong gia đình không có trả cho ông N. Ngày 20/11/2022 chị có ghi giấy nợ cho ông N, chị viết và ký cả tên của anh A chồng chị.

Do điều kiện khó khăn chị chưa có tiền trả lại cho ông N. Ông N khởi kiện yêu cầu chị trả nợ chị cũng đồng ý nhưng xin trả dần vì điều kiện rất khó khăn.

*** Bị đơn là anh Bùi Hải A vắng mặt tại toà.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 288, 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của ông N, buộc chị Y và anh A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N 10 chỉ vàng SCJ, số tiền vay là 20.000.000 đồng cùng số tiền hụi là 20.000.000 đồng. Ghi nhận việc ông N không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông N khởi kiện yêu cầu chị Y và anh A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền, vàng vay, tiền hụi từ năm 2020. Qua yêu cầu của nguyên đơn cho thấy, đây là vụ kiện: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với bị đơn là chị Quách Thái Thị Ngọc Y anh Bùi Hải A để đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Y và anh A vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ông N yêu cầu chị Y và anh A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay là 20.000.000 đồng, số tiền hui là 20.000.000 đồng và 10 chỉ vàng SCJ theo giấy xác nhận nợ ngày 20/11/2022 do chị Y viết và ký tên. Chị Y thừa nhận giấy xác nhận nợ ngày 20/11/2022 do chị viết và ký tên của anh Bùi Hải A (là chồng chị). Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng đồng ý và không có yêu cầu gì về việc chị Y đã ký tên của anh A. Như vậy, chứng cứ trên được ông N và chị Y thừa nhận là đúng cho nên các đương sự không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng năm 2015.

[4] Giữa ông N và chị Y đã thống nhất với nhau về số tiền, vàng vay, số tiền hui còn nợ nhưng không thống nhất với nhau về phương thức trả nợ. Chị Y đồng ý trả nợ cho ông N nhưng xin trả dần vì hoàn cảnh rất khó khăn. Phía ông N không đồng ý và yêu cầu trả một lần vì thời gian thiếu nợ đã lâu. Tại phiên tòa, chị Y vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Xét lời trình bày của chị Y là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, theo thỏa thuận ông N đã giao cho chị Y số tiền, số vàng và đóng hui khi chị Y cần nhưng chị Y đã không thực hiện việc trả nợ và giao tiền hui khi đến hạn là đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Y và buộc chị Y có nghĩa vụ trả trả nợ cho ông N là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Chị Y thừa nhận nợ nhưng cho rằng, mục đích chị vay tài sản của ông N để trả nợ riêng và một phần để chi tiêu trong gia đình. Anh A có lấy 20.000.000 đồng để dùng để xây nhà, thời gian sau anh A đưa tiền cho chị, kêu trả lại cho ông N nhưng do cần tiền nên chị giữ lại để lo cho con ăn học. Chị Y cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc chị vay tài sản của ông N để tiêu xài cho cá nhân chị. Theo xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương cho thấy, chị Y và anh A là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2019 tại xã Cẩm Sơn, huyện M, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận cùng làm ăn lo cho gia đình và không thấy có vi phạm pháp luật gì. Điều này cho thấy, việc chị Y vay tiền, vàng và tiền hui của ông N chủ yếu sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình. Anh A đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do coi như đã từ bỏ quyền chứng minh về nghĩa vụ phải trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử, buộc anh A và chị Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền vay 20.000.000 đồng tiền hui 20.000.000 đồng và 10 chỉ vàng SCJ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lãi suất: Do ông N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Y và anh A phải chịu án phí như sau: (số tiền 40.000.000 đồng + 10 chỉ vàng SCL giá 66.550.000 đồng) = 106.550.000 đồng x 5% = 5.327.500 đồng.

- Ông N có đơn xin miễn án phí và tạm ứng án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn N đối với chị Quách Thái Thị Ngọc Y và anh Bùi Hải A.

2. Buộc chị Quách Thái Thị Ngọc Y anh Bùi Hải A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Châu Văn N số tiền vay là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), số tiền hui là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), và 10 (mười) chỉ vàng loại SCJ.

Ghi nhận việc ông N không yêu cầu anh A và chị Y tính lãi số tiền nêu trên cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông N nếu anh A và chị Y chưa trả số tiền như án tuyên thì ngoài việc phải trả số tiền gốc còn phải chịu thêm số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Quách Thái Thị Ngọc Y và anh Bùi Hải A có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền là 5.327.500 đồng (*Năm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Ông Châu Văn N được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Trong thời hạn 15 ngày, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của các đương sự vắng mặt để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND T. Bến Tre;*

- *VKS H. Châu Thành;*

- *THADS H. Châu Thành;*

- *Các đương sự;*

- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuý Hằng